

TƯ TƯỞNG DÂN BẢN TRONG HỌC THUYẾT NHÂN CHÍNH CỦA MẠNH TỬ

LƯƠNG MINH CỬ (*)

BÙI XUÂN THANH (**)

Tóm tắt: Nội dung xuyên suốt học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử là tư tưởng Dân bản - tư tưởng lấy dân làm gốc. Đối với Mạnh Tử, nhân nghĩa là cơ sở để trị nước, bình thiên hạ và điều chỉnh quan hệ xã hội; đồng thời, là điểm xuất phát để xây dựng tư tưởng Dân bản. Ông luôn nhấn mạnh, đề cao vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định của dân đối với sự thịnh suy của đất nước; đòi hỏi nhà cầm quyền phải thi hành nền chính trị nhân nghĩa nhằm thu phục nhân tâm. Bên cạnh đó, ông còn đưa ra những tư tưởng có giá trị nhân văn sâu sắc về khoan dân, bảo dân,...; đồng thời, nhấn mạnh sự cần thiết phải tu thân, dưỡng tính của con người. Có thể nói, cho đến nay, tư tưởng dân bản của Mạnh Tử vẫn còn ý nghĩa và giá trị thiết thực.

Trong lịch sử triết học Trung Hoa cổ đại, Mạnh Tử (371 - 289 TCN), tên thật là Mạnh Kha, tên chữ là Tử Dư, dòng dõi Mạnh Tôn Thị, thuộc dòng Vương tộc nước Lỗ, là một đại biểu xuất sắc của trường phái Nho gia. Toàn bộ di sản tư tưởng ông để lại cho đời sau, được tập trung trong bộ sách *Mạnh Tử*, gồm 7 thiên. Bộ sách này đã thể hiện rõ những quan điểm của ông về triết lý và chính trị, trong đó thuyết *Nhân chính* là một điểm sáng. Có thể khẳng định rằng, thuyết Nhân chính là kết quả của sự kế thừa và phát triển về mặt lý luận của các nhà tư tưởng trước đó, đặc biệt là tư tưởng "Đức trị" của Khổng Tử; mặt khác, nó được hình thành trên cơ sở thuyết "Tín thiên", một luận điểm đặc sắc của Mạnh Tử về đạo đức nhân sinh; và cuối cùng, nó còn chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế - xã hội Trung Hoa thời Xuân thu - Chiến quốc. Trong học thuyết Nhân chính, ngoài những điểm tương đồng với tư tưởng "đức trị" của Khổng Tử, Mạnh Tử còn đưa vào

nhiều tư tưởng tiến bộ, mới mẻ và cách mạng hơn. Suy rộng ra, Nhân chính là lấy nhân nghĩa làm gốc trong chính sự; nói cách khác, Nhân chính là tư tưởng lấy nhân nghĩa làm gốc trong công việc chính trị của nhà cầm quyền. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ vì sao trong học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử, tư tưởng Dân bản lại được coi là tư tưởng trung tâm của toàn bộ học thuyết này.

Xuất phát từ tư tưởng nhân nghĩa, Mạnh Tử luôn có ý thức đề cao dân. Có thể nói rằng, mọi chủ trương, đường lối, chính sách mà Mạnh Tử đề xuất, đều hướng tới dân, vì lợi ích nhân dân. Điều đó cho thấy, học thuyết Nhân chính của ông, về thực chất, là tư tưởng dân bản - tư tưởng lấy dân làm gốc nước.

Theo thuyết Nhân chính, việc trị quốc, bình thiên hạ của các bậc vương giả, trước hết, phải xuất phát vì nhân nghĩa, chứ

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Bán công Marketing.

(**) Thạc sĩ, giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

không phải vì lợi. Do đề cao đến độ tuyệt đối hoá ý nghĩa của nhân nghĩa, nên Mạnh Tử cho rằng, nhà cầm quyền không cần nói tới lợi, mà chỉ cần nói tới nhân nghĩa là đủ. Từ đó, ông đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải lấy nhân nghĩa làm gốc trong đường lối cai trị của nhà cầm quyền.

Theo Mạnh Tử, khi người ta lấy điều lợi làm mục đích, chắc chắn kẻ dưới, vì lợi ích sẽ hại kẻ trên; còn ngược lại, kẻ trên vì lợi ích sẽ chiếm đoạt hết của cải của kẻ dưới. Như vậy, nếu tất cả mọi người ai ai cũng chỉ biết theo đuổi lợi ích của bản thân mình, gia đình mình, dòng tộc mình, tất yếu sẽ tạo ra mầm loạn trong một quốc gia, và cũng tất yếu dẫn tới trình trạng nổi loạn, tranh giành, cướp đoạt của cải của nhau. Mạnh Tử nhấn mạnh, muốn khắc phục tình trạng đó, nhà cầm quyền trước hết phải là tấm gương sáng về đạo đức cho dân chúng noi theo; do đó, họ không được lấy lợi ích làm điểm xuất phát, hoặc làm mục tiêu hướng tới của đường lối cai trị đất nước.

Trong đời sống xã hội, xét tới cùng, bản chất của mối quan hệ giữa người với người trong xã hội, giữa cá nhân với tập thể, giữa cá nhân với xã hội, thực chất là mối quan hệ lợi ích. Song, khi kịch liệt phản đối những người đề cao lợi ích, Mạnh Tử đã không hiểu lợi ích là động lực chi phối mọi hành vi và hoạt động của con người. Thực ra, Mạnh Tử không hề có ý định phủ nhận lợi ích, ngay cả khi ông đối lập nhân nghĩa với lợi ích. Với ông, phủ nhận lợi ích chỉ là cái cách để đề cao nhân nghĩa. Khi phản đối việc con người lấy lợi ích làm động cơ chính cho hành động của mình, ông tin rằng, nếu chỉ xuất phát từ lợi ích, người ta khó có thể đạt được nhân nghĩa. Đặt nhân nghĩa và lợi ích trong mối quan hệ ngược chiều, Mạnh Tử chỉ có dụng ý làm rõ công dụng, cũng như giá trị đích

thực của nhân nghĩa trong các quan hệ xã hội mà thôi. Ông cho rằng, khi nhà cầm quyền đã dụng nhân nghĩa và thi hành nhân đức trong việc cai trị, thì việc đó tự nó sẽ mang lại lợi ích. Ngược lại, nếu xuất phát từ lợi ích thì chẳng những làm tổn hại nhân nghĩa, mà còn có thể đánh mất luôn cả lợi ích nữa.

Tư tưởng trên đây của Mạnh Tử chứa đựng tinh thần nhân bản sâu sắc. Nó chứng tỏ ông là nhà chính trị có lòng nhân ái, không lấy lợi ích bản thân làm động lực cho hành động của mình. Khi coi nhân cách là cái gốc của đạo làm người, Mạnh Tử chủ trương dùng nhân nghĩa để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, nhằm đưa thiên hạ trở lại hữu đạo. Tuy nhiên, khi đề cao tới mức tuyệt đối nhân nghĩa và đòi hỏi một cách vô điều kiện việc con người phải lấy nhân nghĩa đối xử với nhau trong cuộc sống, ông đã không nhìn thấy sức mạnh thực sự của bản năng con người trong các quan hệ xã hội của họ.

Mặc dù vậy, việc coi trọng và đề cao nhân nghĩa lại là điểm xuất phát để Mạnh Tử hình thành một tư tưởng rất có giá trị - tư tưởng *Dân bản*. Tư tưởng Dân bản là yếu tố cốt lõi trong học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử, và về thực chất, việc thi hành Nhân chính phải coi dân là gốc, phải hướng tới dân, vì dân.

Mạnh Tử luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của dân mà ông gọi là dân thường. Và, với tầm nhìn sâu sắc của một chính trị gia, ông khẳng định: "Một vị vua chư hầu phải quý trọng ba việc: đất đai, nhân dân và chính sự. Nếu chê ba điều ấy mà quý trọng châu ngọc, ắt thân mình phải vương lấy tai ương"(1).

(1) *Mạnh Tử*, quyển hạ (Đoàn Trung Còn dịch). Nxb Tứ đức tùng thư, Sài Gòn, 1950, tr.271.

Nhà nước ở vào thời đại Mạnh Tử là hệ thống nhà nước của một định chế xã hội, vừa có thiên tử, vừa có chư hầu, đồng thời là công cụ để thống trị và chiếm hữu. Nhà nước ấy thuộc quyền chuyên chế của cá nhân nhà vua cùng với gia tộc và tập đoàn thống trị, quần chúng nhân dân không được tham dự vào chính quyền. Nhân dân chỉ có một nghĩa vụ là tuyệt đối làm theo mệnh lệnh của kẻ thống trị, mà vua là đỉnh cao tối thượng của quyền lực. Do vậy, khi Mạnh Tử chỉ cho nhà cầm quyền biết về ba vật báu - đất đai, nhân dân và chính sự, có nghĩa là ông nhắc nhở những người đứng đầu chính thể cần phải nhìn nhận một cách đúng đắn về các yếu tố cơ bản cấu tạo nên thực thể quốc gia. Tuy nhiên, một vấn đề đáng lưu ý là, trong ba yếu tố đó, Mạnh Tử đề cao vai trò quyết định của yếu tố dân đối với sự hưng thịnh và tồn vong của đất nước. Nếu nhà cầm quyền mà được lòng dân thì sẽ được tất cả; còn nếu mất lòng dân sẽ mất tất cả. Như vậy, thương dân là để được lòng dân, muốn được lòng dân thì phải thương dân. Ở đây, đức nhân đã chuyển hoá thành phương pháp trị quốc và phương pháp trị quốc được gắn chặt trên nền tảng của đức nhân. Về điểm này, Mạnh Tử vượt khá xa so với Khổng Tử khi đưa ra luận điểm nổi tiếng để đánh giá vị trí và vai trò của dân: "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh"(2). Tư tưởng này, một mặt, chỉ rõ trong các nhân tố dân, nước và nhà vua thì dân là nhân tố có vai trò quan trọng nhất; mặt khác còn cho thấy, Mạnh Tử chủ trương nhà cầm quyền phải tôn trọng dân quyền, phải quý trọng dân.

Tư tưởng "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" của Mạnh Tử đồng thời còn là tư tưởng cơ bản, chỉ đạo các chính sách cụ thể trong việc thực hiện đường lối Nhân chính. Nó có tính chất tiến bộ hơn so với tư

tưởng của Khổng Tử khi bàn về dân, về sứ mệnh của dân trong lịch sử. Mạnh Tử luôn đòi hỏi nhà cầm quyền phải thấu hiểu nỗi khổ của dân và hết lòng lo cho dân. Đối với ông, dùng nhân nghĩa trong việc trị nước có nghĩa là lo cho dân, coi trọng dân. Như thế, nhân nghĩa và tôn trọng dân luôn gắn liền với nhau, không tách rời nhau trong chuỗi biện chứng của nó.

Mạnh Tử nhấn mạnh rằng, trong chính trị, muốn thu được thiên hạ, được dân chúng, được lòng dân chỉ có một phương cách là nhà cầm quyền phải thi hành nền chính trị nhân nghĩa. Với nhãn quan sâu sắc của một nhà tư tưởng, Mạnh Tử thấy rõ sức mạnh to lớn của nhân dân. Sự sống còn, thịnh suy của một chế độ xã hội, của một triều đại đều là do nhân dân quyết định. Khi được nhân dân ủng hộ thì nhà nước tồn tại, xã hội ổn định. Khi không được nhân dân ủng hộ, sớm hay muộn, tất yếu chế độ ấy cũng sẽ bị lật đổ. Do vậy, ông nhắc nhở việc cai trị phải biết dựa vào nhân dân và phát huy sức mạnh của nhân dân.

Để có thể phát huy được sức mạnh của nhân dân đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước, nhà cầm quyền cần phải được lòng dân. Muốn được lòng dân, nhà cầm quyền cần phải biết lo cho dân, phải biết đáp ứng nhu cầu của dân. Trong suy nghĩ của Mạnh Tử, việc trị nước không khó, vấn đề là ở chỗ không để cho dân khiển trách mình và phải làm thế nào đó cho dân ái mộ, đi theo ủng hộ. Khi đã được muôn dân ái mộ, ủng hộ thì đường lối, chính sách đề ra sẽ được thực hiện và chắc chắn thắng lợi. Đó là một tư tưởng có tính chất chiến lược và hiện nay, vẫn còn tính thời sự với chúng ta.

Xuất phát từ chủ trương dùng nhân nghĩa vào việc chính trị, chủ trương nhân

(2) *Mạnh Tử*, quyền hạ. Sđd., tr. 262.

chính, Mạnh Tử đưa ra tư tưởng lấy nhân làm trọng. Có thể nói, đây là tư tưởng thể hiện rõ nét và sâu sắc nội dung thuyết Nhân chính của ông. Từ chỗ thấy được mối quan hệ và tầm quan trọng của ba yếu tố Thiên - Địa - Nhân trong quốc sách chính trị, Mạnh Tử đặc biệt chú ý và nhấn mạnh yếu tố nhân hoà. Theo ông, nhân hoà là yếu tố quyết định sự thành công của nhà cầm quyền, bởi lẽ: "Thời trời chẳng bằng lợi đất; lợi đất chẳng bằng lòng người hoà hợp"(3).

Trong thời đại của Mạnh Tử, các nước chư hầu đánh nhau liên miên vì những lợi ích khác nhau. Tận mắt chứng kiến cảnh chiến tranh tàn sát khốc liệt, qua học thuyết Nhân chính, Mạnh Tử tỏ rõ thái độ căm ghét chiến tranh, lên án các cuộc chiến tranh xâm lược, thôn tính lẫn nhau của các tập đoàn quý tộc đương thời. Ông đòi hỏi nhà cầm quyền phải dùng nhân đức trong công việc trị nước, chứ không dùng bạo lực. Bởi lẽ, chiến tranh, chết chóc, tàn phá... đều trái với đức nhân, đều hại dân.

Mạnh Tử cho rằng, kẻ gây chiến tranh, ham dùng vũ lực là kẻ bất nhân và, kẻ bất nhân, dù có thể làm nên nghiệp bá vãn không thể thu phục được lòng người. Hoài bão lớn lao của ông là dùng nhân để trị quốc, bình thiên hạ, tránh cho dân chúng cảnh chết chóc và huynh đệ tương tàn do cuộc chiến gây ra. Đây là tư tưởng vì dân tiến bộ so với bối cảnh xã hội thời bấy giờ.

Mạnh Tử đề ra chủ trương, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhà cầm quyền phải thi hành phép cai trị nhân ái nhằm bảo vệ tính mạng của nhân dân. Dân là quý, xã tắc thứ chi, nên ông không chấp nhận bất kỳ cuộc chiến tranh nào với mục đích tranh giành đất đai, làm tổn hại đến tài sản vật chất và sinh mệnh của hàng triệu sinh linh.

Mặc dù Mạnh Tử không hề phủ nhận việc dùng vũ lực để khuất phục người khác nhằm đạt được mục đích, nhưng theo ông, vũ lực chỉ có thể khuất phục được những hành vi chống đối, chứ không thể thật sự thu phục nhân tâm. Muốn thu phục được nhân tâm, củng cố nền chính trị bền vững, nhà cầm quyền phải thi hành nhân đức, Ông khẳng định, đó là xu thế tất yếu.

Bên cạnh đó, chúng ta còn thấy rằng, trong toàn bộ nội dung học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử, những tư tưởng bảo dân, khoan dân, thư sức dân, lo cho đời sống của dân,... là tư tưởng dân bản có giá trị to lớn.

Cũng xuất phát từ quan điểm nhân nghĩa, coi dân là gốc, Mạnh Tử không chỉ dừng lại ở việc đòi hỏi nhà cầm quyền phải giữ gìn sinh mệnh dân, mà còn đòi hỏi họ không được lạm dụng sức dân và giữ gìn của cải cho dân. Như vậy, tư tưởng lo cho dân là tư tưởng tiến bộ xét theo phương diện lịch sử, và tư tưởng đó đáng kể người đời sau kết thừa, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc trị nước, an dân. Có thể nói, tư tưởng đề cao dân, lo cho đời sống của dân trong học thuyết chính trị - xã hội của ông thực sự là một phương pháp trị nước đúng đắn. Đường lối trị quốc đó khẳng định, xã hội càng phát triển thì việc bảo dân, quan tâm tới đời sống của dân lại càng trở nên quan trọng và, vẫn là cái gốc của đạo trị nước. Đường lối ấy lại càng quan trọng hơn đối với những dân tộc đang phấn đấu xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân nhằm thực hiện mục tiêu giải phóng con người.

Trên cơ sở tư tưởng nhân nghĩa, Mạnh Tử đã đề xuất quan điểm nhân bản trong chính sự. Do dân là gốc nước nên về mặt đạo đức, nhà cầm quyền phải tôn trọng

(3) *Mạnh Tử*, quyển thượng. Sđd., tr.115.

dân. Nhưng trong cơ chế chính trị, dân có được làm gốc hay không lại tùy thuộc vào yếu tố nhân đức, vào sự giác ngộ của vua chúa. Xuất phát từ đó, để thể hiện “nhân chính”, Mạnh Tử đòi hỏi các bậc vua chúa phải biết tu thân sửa mình, trau dồi nhân đức, phải trọng dân.

Trong thời Chiến quốc, Mạnh Tử là người đầu tiên đưa ra khái niệm lương tâm, lương năng, lương tri. Theo Mạnh Tử, nhà vua không chỉ chịu trách nhiệm trước lương tri của mình, mà còn phải chịu trách nhiệm trước dân chúng. Vì vậy, vua phải biết tôn tâm, dưỡng tính, phát triển nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, “Người quân tử ... biết giữ lòng mình”. Mạnh Tử luôn chủ trương nhà cầm quyền phải ở chỗ rộng rãi trong thiên hạ (đức nhân) mà dung nạp người, đứng ở chỗ chính đáng trong thiên hạ (đức lễ), noi theo con đường lớn trong thiên hạ (đức nghĩa); hễ đắc chí thì cùng với dân mà hành đạo, bất đắc chí thì riêng mình hành đạo. Nhà cầm quyền không phóng túng trước cảnh phú quý, không đổi khí tiết trước cảnh bần tiện, không được để cho uy quyền, vũ lực khuất phục mình. Được như vậy mới là chính nhân quân tử, mới được dân tin cậy.

Mạnh Tử luôn nhấn mạnh, sự tu thân, dưỡng tính của con người, nhất là của nhà cầm quyền là một đòi hỏi, một tiêu chuẩn rất cao. Nhà cầm quyền, các “quan chức” phải là bậc đại nhân không ngừng tu thân, sửa mình.

Để tu thân, sửa mình, Mạnh Tử đòi hỏi nhà cầm quyền phải giữ mình, khiêm cung, sinh hoạt tiết kiệm, gia huệ với dân và thu thuế của dân có chừng mực. Đây là một tư tưởng khoan dân rất tiến bộ so với đương thời. Theo ông, một trong những phẩm chất quan trọng của nhà cầm quyền là phải dừng cảm đi vào đời sống xã hội, đảm nhận việc nước, việc dân. Mặt khác,

còn phải tỏ rõ tinh thần trách nhiệm trước dân, dám nhận lỗi trước nhân dân.

Như vậy, có thể nói, điểm nổi bật trong học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử là ở chỗ, ông đã luận giải khá sâu sắc rằng, sự ổn định và phát triển của xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chúng quy định và ràng buộc lẫn nhau, như đạo đức của giới quan chức, sự gương mẫu của nhà cầm quyền, các chủ trương, chính sách chính trị của nhà cầm quyền, v.v.. Nếu thuyết Nhân chính là tư tưởng đặc sắc trong triết học Mạnh Tử, thì tư tưởng Dân bản - dân là gốc nước - là điểm chói sáng trong thuyết Nhân chính. Với tư tưởng Dân bản, Mạnh Tử đã kế thừa truyền thống tôn dân trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại, nhưng ông đã bổ sung, hoàn thiện, phát triển và nâng lên thành đường lối chính trị thực tiễn của nhà nước nhằm mục tiêu trị quốc, an dân, bình thiên hạ. Tư tưởng dân bản, tóm lại, là hệ thống tư tưởng trọng dân, bảo vệ dân, đề cao dân, dưỡng dân, giáo dân; là tư tưởng mà các chính sách kinh tế - xã hội phải vươn tới mục tiêu vì dân... Đây là luận điểm cốt lõi trong chiến lược chính sự của Mạnh Tử.

Mặc dù còn bị hạn chế bởi hoàn cảnh lịch sử và lập trường giai cấp, nhưng tư tưởng Dân bản trong học thuyết Nhân chính của Mạnh Tử vẫn phản ánh khách quan ước nguyện của quần chúng, nhân dân lao động Trung Quốc thời Xuân Thu - Chiến quốc. Mặt khác, nó cũng đã đóng góp vào kho tàng lý luận chung của nhân loại. Đây là một tư tưởng có giá trị cao trong việc xây dựng nhà nước cầm quyền cũng như xây dựng một chiến lược chính trị để trị quốc có hiệu quả. Tư tưởng này vẫn có ý nghĩa thiết thực đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay. □